

**CÔNG TY TNHH SPT M&E VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SPT M&E VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SPT M&E VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SPT M&E VIETNAM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109072605

**3. Ngày thành lập:** 20/01/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 85b ngõ 8/11/36 đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0828088688

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                          | 2592        |
| 2.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                            | 3312        |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                | 3314        |
| 4.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                               | 3320        |
| 5.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101        |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212        |
| 9.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221        |
| 10. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222        |
| 11. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229        |
| 13. | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291        |
| 14. | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292        |
| 15. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293        |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299        |
| 17. | Phá dỡ                                                                | 4311        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321(Chính) |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</p> <p>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, thang cuốn,</li> <li>+ Cửa cuốn, cửa tự động,</li> <li>+ Dây dẫn chống sét,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4329 |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330 |
| 22. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>+ Uôn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - - Bán buôn xi măng; - - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - - Bán buôn kính xây dựng; - - Bán buôn sơn, vécni; - - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Nhóm này gồm: - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4663 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4931 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4932 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 28. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5021 |
| 29. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5022 |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm hoạt động của các phòng hát karaoke, quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5610 |
| 31. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6820 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển | 7730 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                             | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN CHIẾN | Xóm Duyên, Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam                       | 750.000.000           | 25,000    | 091609680                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐỖ HỒNG PHONG    | Thôn Trung Chính, Xã Yên Dương, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam             | 1.500.000.000         | 50,000    | 038087005281                                                                                                                                      |         |
| 3   | HOÀNG VĂN HIẾU   | Xóm 20, Xã Giao Lạc, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                        | 750.000.000           | 25,000    | 162722140                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **ĐỖ HỒNG PHONG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/03/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *038087005281*

Ngày cấp: *05/07/2019*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Trung Chính, Xã Yên Dương, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Trung Chính, Xã Yên Dương, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*